

Bản án số: 126/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Nguyệt

2. Bà Hoàng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh NVT - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị CTT - Sinh năm: 1983

ĐKHKTT: Thôn T, xã H, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã S, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa có mặt anh NVT, vắng mặt chị CTT (*Chị CTT đã có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2020, bản tự khai ngày 11/6/2020, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh NVT trình bày: Anh và chị CTT kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 3 năm tại xã H, huyện Yên Định, Thanh Hóa nhưng không có con chung nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên can nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Hiện nay chị CTT đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay anh NVT xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị CTT.

Về con chung: Anh NVT khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh NVT xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai 13/7/2020 và Biên bản lấy lời khai của bị đơn là chị CTT ngày 14/3/2020, chị CTT trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh NVT tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Anh Sơn vào ngày 12/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã H, huyện Yên Định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 vẫn chưa có con nên cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị cảm thấy không thể tiếp tục chung sống nên năm 2015 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau.

Nay anh NVT làm đơn ly hôn chị xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn anh NVT, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Chị CTT xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị CTT xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NVT, xử cho anh NVT được ly hôn chị CTT.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị CTT là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Yên Định, nên việc anh NVT yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Do chị CTT không thể trực tiếp đến Tòa án giải quyết được nên đã làm đơn xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp, hòa giải và xét xử tại Tòa án, thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Anh NVT và chị CTT kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có con. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm không quan tâm gì đến nhau. Bản thân chị CTT cũng đồng ý ly hôn anh NVT.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng anh NVT và chị CTT đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh NVT được ly hôn chị CTT.

[3] Về con chung: Anh NVT và chị CTT đều xác định vợ chồng không có con chung, các bên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh NVT và chị CTT đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh NVT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh NVT được ly hôn chị CTT.

2. Về án phí: Anh NVT phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0003640 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (*Anh NVT đã nộp đủ án phí*).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh NVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị CTT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã S, huyện Anh Sơn, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng